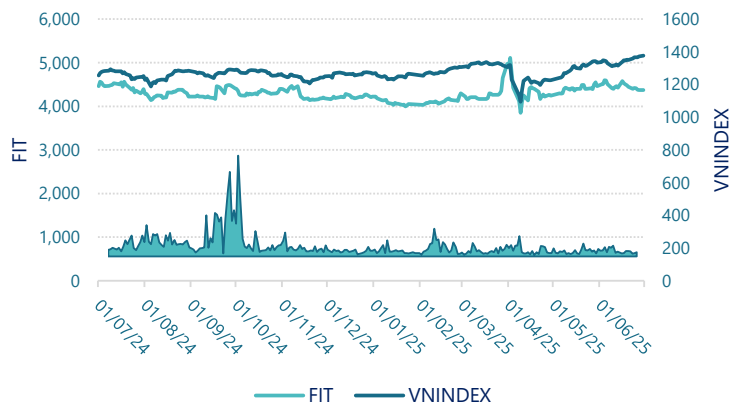




CTCP Tập đoàn F.I.T (HSX: FIT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,370
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,110
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,850
SL cổ phiếu LH	339,933,034
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,031,670
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,486
P/E	25.5
EPS	171

DT thuần

Q2/25

539

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.0 | 4.6%

YoY: ▲ 71.0 | 15.1%

LN sau thuế

Q2/25

25.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 12.5 | -33.4%

YoY: ▼ 27.4 | -52.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.6%

+/- YoY: ▼ 4.7%

DT thuần

6T 2025

1,054

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 177 | 20.2%

LN sau thuế

6T 2025

62.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 61.5 | -49.8%

ROE

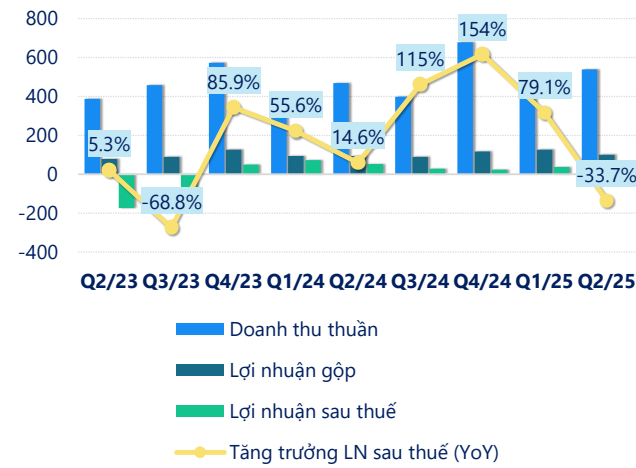
Q2/25

1.0%

+/- YoY: ▲ 1.5%

tỷ VNĐ

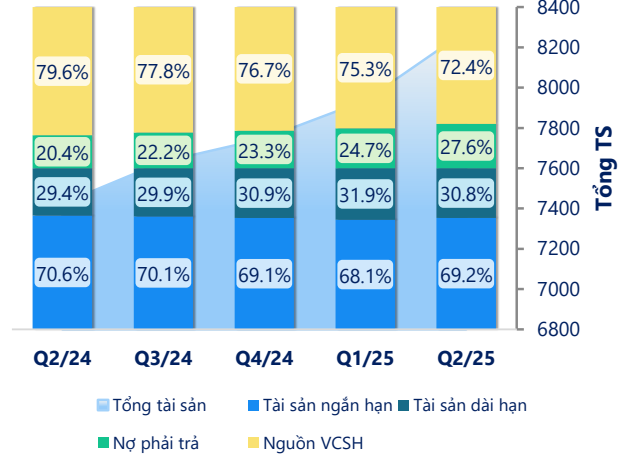
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

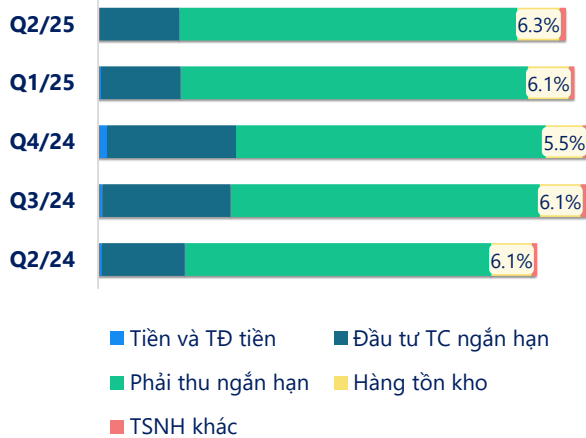
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



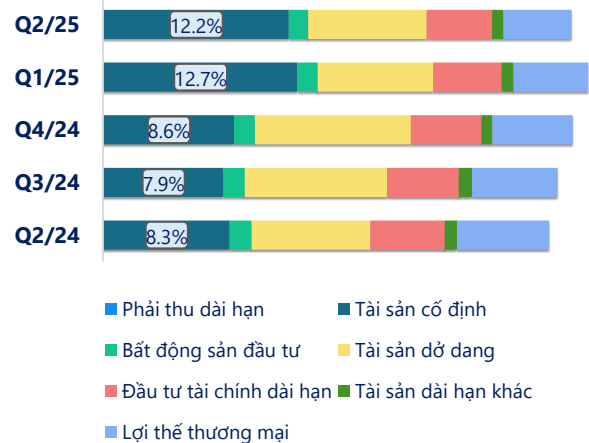
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

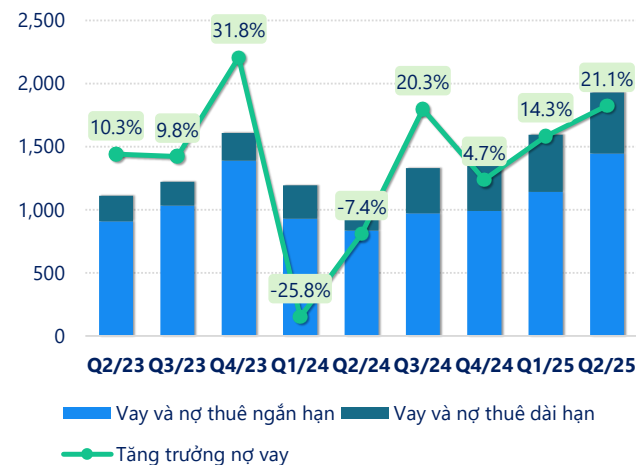
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

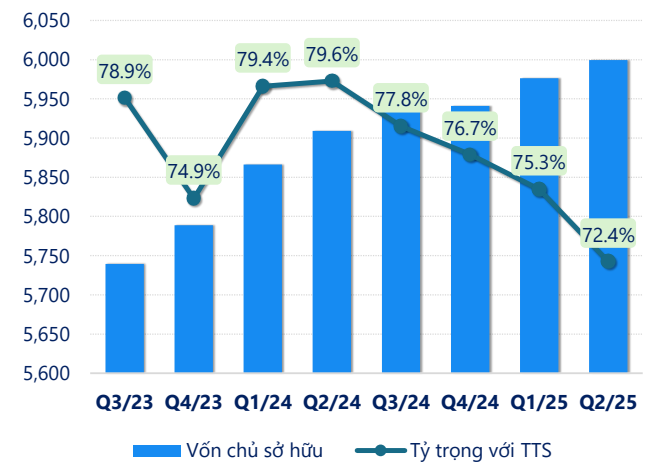
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

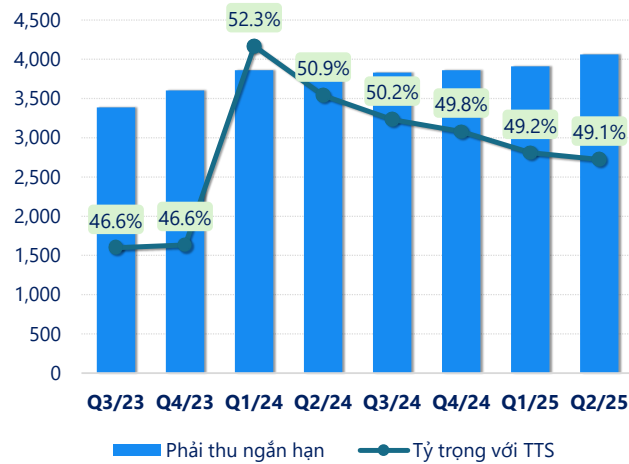
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

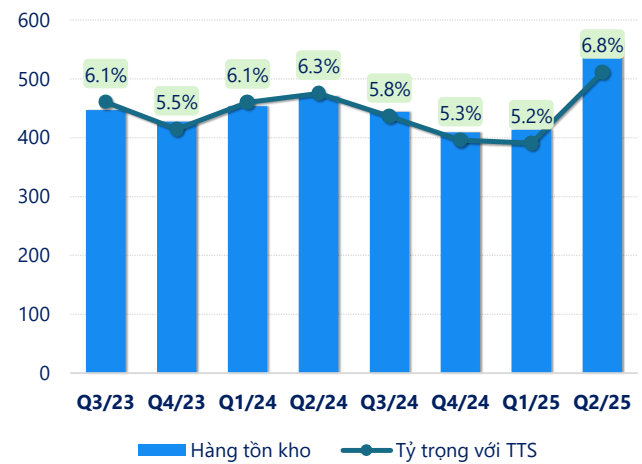
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

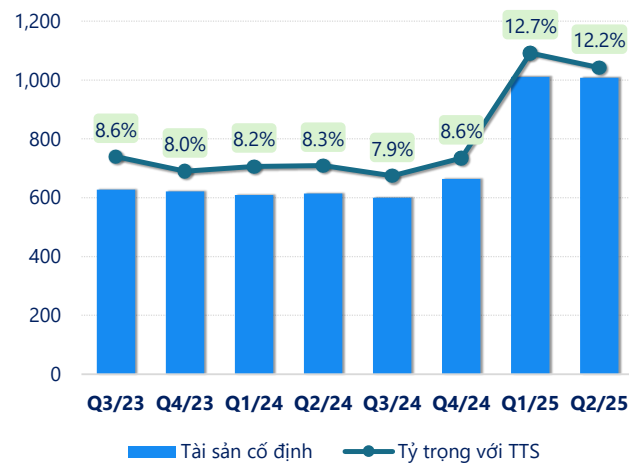
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

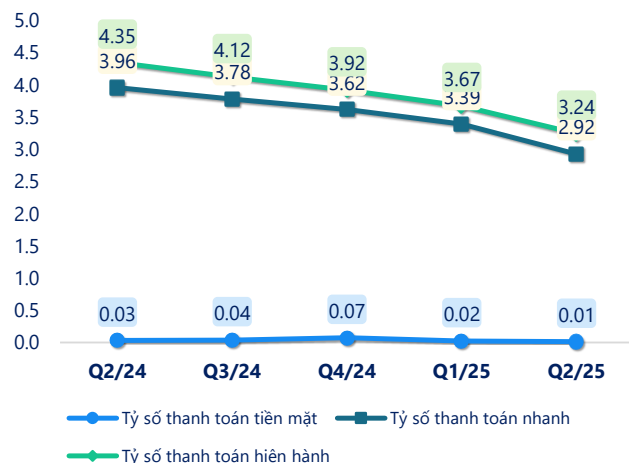
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



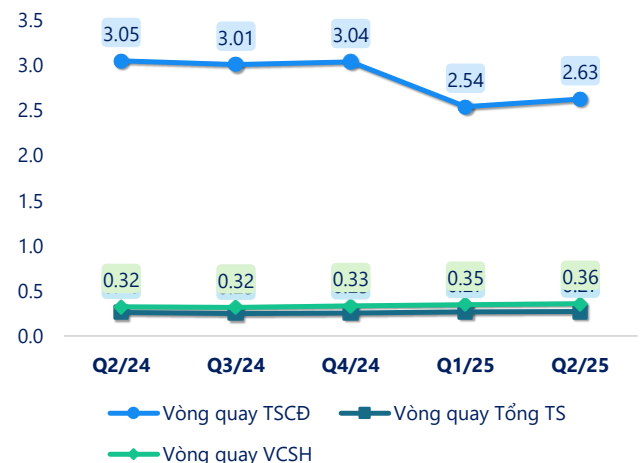
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	7,424	7,632	7,748	7,936	8,283
Tài sản ngắn hạn	5,243	5,348	5,352	5,402	5,728
Tiền và tương đương tiền	37.3	49.9	101	33.3	23.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	887	937	887	943	962
Phải thu ngắn hạn	3,776	3,830	3,862	3,908	4,063
Hàng tồn kho	470	444	409	414	564
Tài sản ngắn hạn khác	73.2	86.6	91.9	104	115
Tài sản dài hạn	2,180	2,284	2,396	2,534	2,555
Phải thu dài hạn	4.74	4.80	4.80	4.72	5.34
Tài sản cố định	614	600	664	1,011	1,007
Bất động sản đầu tư	107	107	107	107	106
Tài sản dở dang	580	715	795	603	646
Đầu tư tài chính dài hạn	364	361	360	358	357
Tài sản dài hạn khác	59.0	65.9	55.7	61.7	60.5
Lợi thế thương mại	451	430	410	390	373
Nợ phải trả	1,515	1,694	1,807	1,960	2,283
Nợ ngắn hạn	1,206	1,297	1,366	1,470	1,765
Vay và nợ thuê ngắn hạn	835	971	990	1,141	1,447
Phải trả người bán ngắn hạn	141	82.1	108	139	160
Nợ dài hạn	308	397	441	490	518
Vay và nợ thuê dài hạn	271	360	403	452	482
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,909	5,938	5,941	5,976	5,999
Vốn chủ sở hữu	5,909	5,938	5,941	5,976	5,999
Vốn điều lệ	3,399	3,399	3,399	3,399	3,399
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)